

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI CHUYỂN MỘ, MẢ ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ ĐÔNG TRƯỚC XÃ MAI ĐÌNH (GD1), HUYỆN HIỆP HÒA

Địa chỉ: Thôn Đông Trước, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện)

Stt	Đại diện chủ sử dụng	Địa chỉ	Số thửa	Tờ BĐ	Tên công trình, tài sản	Đơn vị tính	Khối lượng (số lượng)	Chi phí xây dựng mộ mới		Chi phí đào, bốc	Chi phí di chuyển	Chi phí bố trí đất đai, xây dựng hạ tầng để đặt mộ	Chi phí hợp lý khác để di chuyển mộ		Kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Ho trợ ban giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ giải)
								Mức giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (đồng)	Mức hỗ trợ (đồng)	Thành tiền (đồng)		Thành tiền (đồng)
A	B	C	D	E	F	G	1	2	3=1*2	4=1*2.000.000	5=1*2.000.000	6=1*2.000.000	7	8=1*7	9=3+4+5+6+8	10=1*5.000.000
1	Chu Văn Thông (Hạnh - vợ)	Đông Trước	303	20	Mộ đất đã cải táng	mộ	3,0	1.570.000	4.710.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000	1.500.000	4.500.000	27.210.000	15.000.000
Tổng cộng							3,0		4.710.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000		4.500.000	27.210.000	15.000.000

Tổng kinh phí bồi thường và hỗ trợ GPMB 42.754.000 đồng

Bồi thường chi phí xây dựng mộ mới 4.710.000 đồng
Bồi thường chi phí đào, bốc 6.000.000 đồng
Bồi thường chi phí di chuyển 6.000.000 đồng
Bồi thường chi phí bố trí đất đai, xây dựng hạ tầng để đặt mộ 6.000.000 đồng
Bồi thường chi phí hợp lý khác để di chuyển mộ 4.500.000 đồng
Chi phí tổ chức thực hiện công tác GPMB (2%) 544.000 đồng
Hỗ trợ ban giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) 15.000.000 đồng

PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ GPMB CHO CÁC HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CÓ ĐẤT NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ THỰC HIỆN DỰ ÁN XÂY DỰNG HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ ĐÔNG TRƯỚC XÃ MAI ĐÌNH (GD1), HUYỆN HIỆP HÒA

Địa điểm: Thôn Đông Trước, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của UBND huyện)

Stt	Đại diện chủ sử dụng đất	Loại đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi dự án đường 21m tại QĐ số 2836/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 - Đợt 2 (m ²)	Diện tích thu hồi dự án đường 21m tại QĐ số 1841/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 - Đợt 3 (m ²)	Diện tích thu hồi dự án KDC Đông Trước tại QĐ số 1152/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 - Đợt 3 (m ²)	Diện tích thu hồi trong dự án KDC Đông Trước đợt này (m ²)	Diện tích thu hồi ngoài dự án KDC Đông Trước đợt này (m ²)	Tổng diện tích thu hồi đợt này (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường đất	Bồi thường hoa màu, tài sản trên đất				Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) (đồng)
													Thành tiền (đồng)	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (đồng)		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7=5+6	8=1-2-3-4-7	9	10	11	12	13=11*12	14=7*10.000 đ	15=7*150.000đ	16=9+13+14+15	17=7*40.000 đ
1	Đình Văn Tý	LUC							120,4		120,4		6.020.000	Trồng lúa	120,4	9.500	1.143.800	1.204.000	18.060.000	26.427.800	4.816.000
2	Đình Văn Kim là chủ sử dụng đất đã chết Hàng thừa kế thứ nhất bao gồm: - Nguyễn Thị Thu là vợ - Đình Văn Khương là con - Đình Văn Giáp là con - Đình Văn Mùi là con - Đình Văn Tân là con - Đình Thị Oanh là con	LUC	254	21	322,8				202,4		202,4	-	10.120.000	Trồng lúa	202,4	9.500	1.922.800	2.024.000	30.360.000	44.426.800	8.096.000
3	Chu Văn Thông	LUC	303	20	170,8				170,8		170,8	-	8.540.000	Trồng lúa	170,8	9.500	1.622.600	1.708.000	25.620.000	37.490.600	6.832.000
4	Chu Văn Toàn (Nguyễn Thị Thê là vợ)	LUC	197	64	90,0				90,0		90,0	-	4.500.000	Trồng lúa	90,0	9.500	855.000	900.000	13.500.000	19.755.000	3.600.000
4		LUC	196	64	65,2				65,2		65,2	-	3.260.000	Trồng lúa	65,2	9.500	619.400	652.000	9.780.000	14.311.400	2.608.000
5	Chu Văn Chính là chủ sử dụng đất đã chết. Hàng thừa kế ông Chính gồm: Đình Thị Lạ là vợ	LUC	223	20	119,3				119,3		119,3	-	5.965.000	Trồng lúa	119,3	9.500	1.133.400	1.193.000	17.895.000	26.186.400	4.772.000
5	Chu Thị Chuyên là con gái Chu Thị Quyên là con gái Chu Thị Lan là con gái Chu Thị Bé là con gái	LUC	162	20	12,1				12,1		12,1	-	605.000	Trồng lúa	12,1	9.500	115.000	121.000	1.815.000	2.656.000	484.000
5	Chu Văn Sáu là con trai Chu Văn Bảy là con trai Chu Thị Bốn là con gái	LUC	176	20	236,7				236,7		236,7	-	11.835.000	Trồng lúa	236,7	9.500	2.248.700	2.367.000	35.505.000	51.955.700	9.468.000
6	Âu Văn Thái là chủ sử dụng đất đã chết. Hàng thừa kế ông Thái gồm: Đình Thị Sáu là vợ	LUC	124	20	126,5				126,5		126,5	-	6.325.000	Trồng lúa	126,5	9.500	1.201.800	1.265.000	18.975.000	27.766.800	5.060.000
6	Âu Văn Bình là con đang canh tác Âu Thị Bé là con	LUC	107	20	28,3				27,5	0,8	28,3	-	1.415.000	Trồng lúa	28,3	9.500	268.900	283.000	4.245.000	6.211.900	1.132.000
6	Âu Thị An là con Âu Văn Ân là con	LUC	246	20	127,8				56,8		56,8	-	2.840.000	Trồng lúa	56,8	9.500	539.600	568.000	8.520.000	12.467.600	2.272.000
7	Phù Văn Tiêu	LUC									71,0		71,0	-	3.550.000	Trồng lúa	71,0	9.500	674.500	710.000	10.650.000
8	Đình Văn Bộ là chủ sử dụng đất đã chết. Hàng thừa kế ông Bộ gồm: Âu Thị Thuyên là vợ Đình Văn Chất là con trai Đình Văn Phát là con trai Đình Văn Hảo là con trai	LUC	285	20	278,0				278,0		278,0	-	13.900.000	Trồng lúa	278,0	9.500	2.641.000	2.780.000	41.700.000	61.021.000	11.120.000

Stt	Đại diện chủ sử dụng đất	Loại đất	Thửa đất số	Tờ BĐ số	Diện tích thửa đất (m ²)	Diện tích thu hồi dự án đường 21m tại QĐ số 2836/QĐ-UBND ngày 27/12/2021 - Đợt 2 (m ²)	Diện tích thu hồi dự án đường 21m tại QĐ số 1841/QĐ-UBND ngày 12/10/2022 - Đợt 3 (m ²)	Diện tích thu hồi dự án KDC Đông Trước tại QĐ số 1152/QĐ-UBND ngày 22/8/2023 - Đợt 3 (m ²)	Diện tích thu hồi trong dự án KDC Đông Trước đợt này (m ²)	Diện tích thu hồi ngoài dự án KDC Đông Trước đợt này (m ²)	Tổng diện tích thu hồi đợt này (m ²)	Diện tích còn lại (m ²)	Bồi thường đất	Bồi thường hoa màu, tài sản trên đất				Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (đồng)	Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ) (đồng)
													Thành tiền (đồng)	Hạng mục	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (đồng)	Thành tiền (đồng)		
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7=5+6	8=1-2-3-4-7	9	10	11	12	13=11*12	14=7*10.000đ	15=7*150.000đ	16=9+13+14+15	17=7*40.000đ
9	Đình Văn Châu là chủ sử dụng đất đã chết. Hàng thừa kế ông Châu gồm: Nguyễn Thị Lịch là vợ Đình Văn Phong là con trai Đình Thị Loan là con gái	LUC	214	64	145,4		104,9		40,5		40,5	-	2.025.000	Trồng lúa	40,5	9.500	384.800	405.000	6.075.000	8.889.800	1.620.000
10	Đình Văn Chín	LUC	354	20	162,9	3,8			159,1		159,1	-	7.955.000	Trồng lúa	159,1	9.500	1.511.500	1.591.000	23.865.000	34.922.500	6.364.000
11	Đình Văn Thức	LUC	190	20	392,0			300,0	92,0		92,0	-	4.600.000	Trồng lúa	92,0	9.500	874.000	920.000	13.800.000	20.194.000	3.680.000
12	Trần Thị Tình	LUC	157	20	64,0				64,0		64,0	-	3.200.000	Trồng lúa	64,0	9.500	608.000	640.000	9.600.000	14.048.000	2.560.000
12		LUC	177	20	139,7				139,7		139,7	-	6.985.000	Trồng lúa	139,7	9.500	1.327.200	1.397.000	20.955.000	30.664.200	5.588.000
13	Đình Văn Thắng (Đình Thị Thuân là vợ)	LUC	212	20	134,8				134,8		134,8	-	6.740.000	Trồng lúa	134,8	9.500	1.280.600	1.348.000	20.220.000	29.588.600	5.392.000
14	Đình Văn Triển	LUC	356	21	220,1				220,1		220,1	-	11.005.000	Trồng lúa	220,1	9.500	2.091.000	2.201.000	33.015.000	48.312.000	8.804.000
15	Nguyễn Thị Cận	LUC	195	20	72,8				72,8		72,8	-	3.640.000	Trồng lúa	72,8	9.500	691.600	728.000	10.920.000	15.979.600	2.912.000
16	Phù Văn Long	LUC	173	20	285,2				166,7		166,7	-	8.335.000	Trồng lúa	166,7	9.500	1.583.700	1.667.000	25.005.000	36.590.700	6.668.000
17	Ngô Thị Thu (Phù Văn Luận là chồng)	LUC							118,5		118,5	-	5.925.000	Trồng lúa	118,5	9.500	1.125.800	1.185.000	17.775.000	26.010.800	4.740.000
18	Âu Văn Hân	LUC	206	64	39,0				25,0	3,0	28,0	-	1.400.000	Trồng lúa	28,0	9.500	266.000	280.000	4.200.000	6.146.000	1.120.000
19	Đình Văn Đường	LUC							7,0	4,0	11,0	-	550.000	Trồng lúa	11,0	9.500	104.500	110.000	1.650.000	2.414.500	440.000
20	Phù Văn Nghệ	LUC	225	20	192,2				192,2		192,2	-	9.610.000	Trồng lúa	192,2	9.500	1.825.900	1.922.000	28.830.000	42.187.900	7.688.000
21	Chu Văn Hà	LUC	258	20	137,5				137,5		137,5	-	6.875.000	Trồng lúa	137,5	9.500	1.306.300	1.375.000	20.625.000	30.181.300	5.500.000
21		LUC	310	20	43,2				43,2		43,2	-	2.160.000	Trồng lúa	43,2	9.500	410.400	432.000	6.480.000	9.482.400	1.728.000
22	Đình Văn Lùng	LUC	257	21	76,4				76,4		76,4	-	3.820.000	Trồng lúa	76,4	9.500	725.800	764.000	11.460.000	16.769.800	3.056.000
Tổng					3.682,7	3,8	104,9	300,0	3.266,2	7,8	3.274,0	-	163.700.000				31.103.600	32.740.000	491.100.000	718.643.600	130.960.000

Tổng kinh phí bồi thường và hỗ trợ GPMB

863.976.600 đồng

Bồi thường về đất

163.700.000 đồng

Bồi thường hoa màu, cây cối, công trình trên đất

31.103.600 đồng

Hỗ trợ ổn định đời sống

32.740.000 đồng

Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm

491.100.000 đồng

Chi phí tổ chức thực hiện công tác GPMB (2%)

14.373.000 đồng

Hỗ trợ bàn giao mặt bằng sớm (khuyến khích tiến độ)

130.960.000 đồng